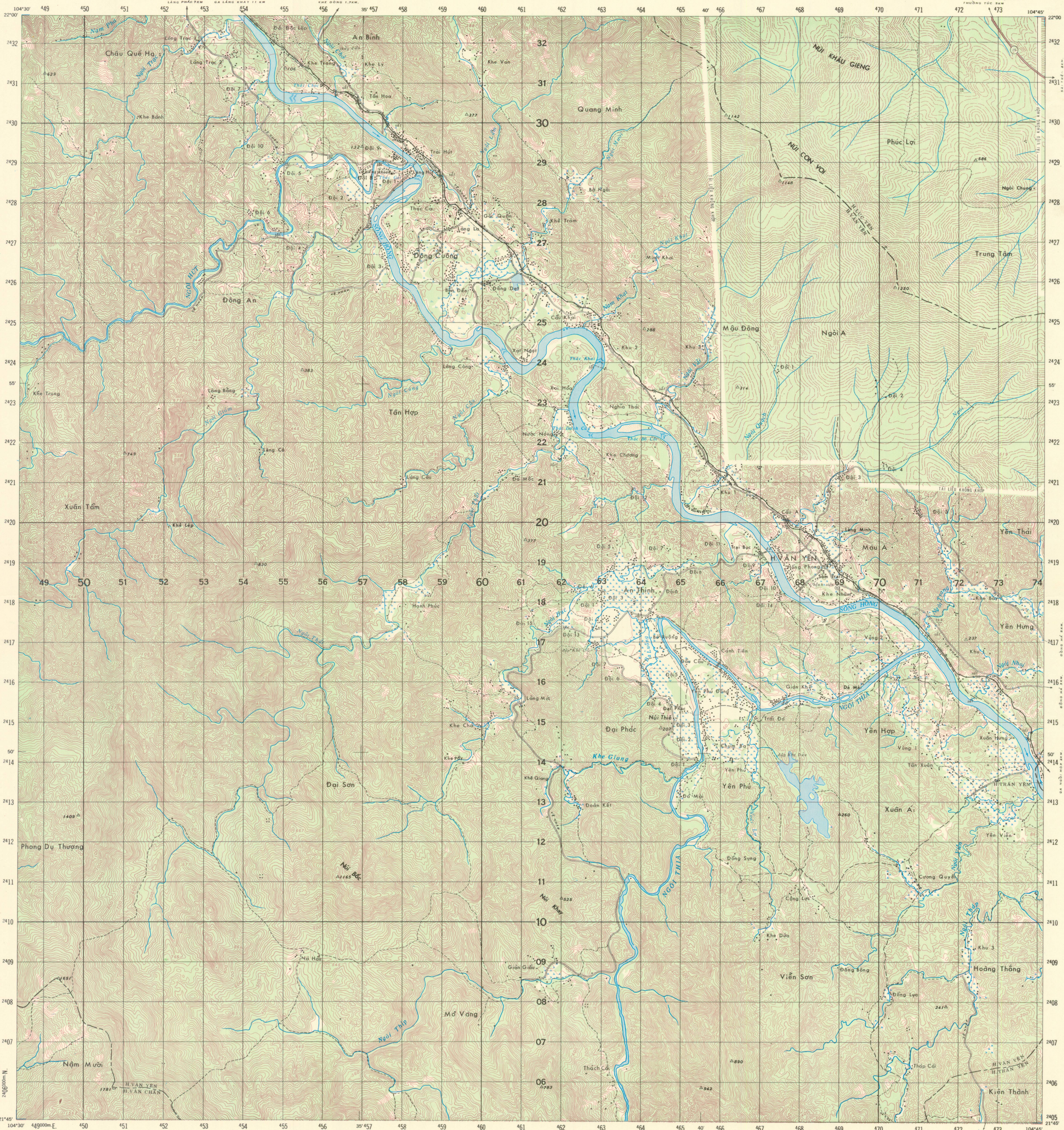




- Đường trục rã nhựa, đá, tên đường
- Đường nhánh rải nhựa, đá
- Đường đất, tên đường
- Đường sắt nhỏ, đường mòn
- Đường sắt kép, ga, trạm
- Đường sỏi đá, đường gao
- Tường bê tông
- Cầu lớn, cầu nhỏ
- Pha, chỗ lòi qua được

- Biên giới nước
- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện, quận
- Tỉnh lỵ, huyện lỵ
- Lô cốt, chim, nổi, hang động
- Trạm vô tuyến, trạm khí tượng, hầm mỏ
- Nghĩa địa
- Đô cao, địa điểm tra, chưa kiểm tra
- Sân bay, vùng quanh năm, rừng mưa

- Thôn xóm, khu nhà chui lều
- Nhà thờ, trường, đền, tôn giáo
- Đền miếu, chùa, am
- Kênh, mương, đào, rãnh dưới 18m, trên 18m
- Hồ ao, cơ nước quanh năm, từng mùa
- Đập xây, đập đất
- Giếng chảy mạnh, thác lớn, thác nhỏ
- Rừng mồi
- Bể nước, giếng, nguồn

1:50000

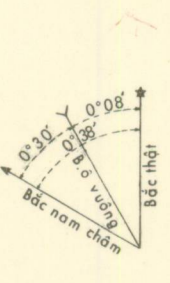
1 CM BẰNG 500M THỰC ĐỊA

1000M 500 0 1 2KM

KHOẢNG CAO ĐỀU CỦA ĐƯỜNG BÌNH ĐỒ CƠ BẢN LÀ 20M

HỆ CHỈ HƯỚNG THỂ SÁU DỤC QUẢ ĐẤT GỐC ĐẠI DƯƠNG U.T.M. E-V-E-R-E-T J-V-D-O GỐC ĐỘ CAO MẶT BIỂN TRUNG BÌNH PHÒNG CHỨNG

- Rừng già, rừng thưa
- Bụi rậm, đồn điền
- Che, cà phê
- Cao su, cao
- Thông, tre
- Dừa nước, bãi biển
- Đất có thể lặn, đồng cỏ
- Rừng lá, đồng lầy
- Vùng đá vôi hay đá



0°38' (0-11; 0-11)
0°08' (0-02; 0-02)
0°30' (0-08; 0-09)

Trị số góc lệch nam châm đo năm 1965

BẢNG CHẬP		
5853 III	5953 III	5953 III
5852 I	5952 IV	5952 I
5852 II	5952 III	5952 II

CỤC BẢN ĐỒ-BỘ TỔNG THAM MƯU-Q.D.N.D.V.N
in lần thứ ba năm 1983 theo 1:50000 U.T.M. in năm 1975
Chính lý thực địa năm 1980

VĂN YÊN 5952 IV